TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS-ST
Ngày: 05-8-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 –LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Sơn và ông Nguyễn Văn Thiện.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Chí Bảo – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hải Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh (cũ), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2025, giữa các bên đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Số 1/20A Phố 1, ấp 5, xã Pv, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cũ (nay là xã Pv, tỉnh Đồng Nai mới).

- ***Bị đơn:*** Bà Phạm Thị T, sinh năm 1956.

Nơi cư trú: Tổ 5, thôn 1, xã Mp, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cũ (nay là xã Nt, tỉnh Lâm Đồng mới).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Trần Thị Kim O, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số 39/6C, đường 102, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh cũ (nay là phường Tăng Nhơn Phú, thành phố Hồ Chí Minh).

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Vào đầu tháng 10/2020, bà Phạm Thị T ở xã Mp, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận có đến gặp bà N đặt vấn đề vay mượn bà N một số tiền 670.000.000đồng,

để vay đáo hạn ngân hàng, sau khi đáo hạn cho Ngân hàng, rút tiền ra sẽ trả lại số tiền nợ cho bà N trong thời gian ngắn nhất.

Bà N tin tưởng bà T sẽ hoàn trả số tiền đúng theo lời hứa. Ngày 13/10/2020, bà N đồng ý cho bà T vay số tiền 670.000.000đồng và viết giấy vay nợ để làm bằng chứng. Trong giấy vay tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả tiền nợ, nhưng có thỏa thuận miệng về lãi suất.

Được một thời gian, bà N không thấy bà T nói gì đến việc trả tiền nợ và tiền lãi, bà N đến nhà đòi nợ thì bà T chỉ trả cho bà N 20.000.000đồng tiền lãi và hứa sẽ trả hết số tiền 670.000.000đồng cho bà N trong thời gian 6 tháng (từ ngày 21/02/2024 đến 21/7/2024) và để đặt lòng tin với bà N, bà T nói thế chấp căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 114, tờ bản đồ số 115 tọa lạc tại xã Mp nhưng đến này bà T cũng chỉ hứa không trả cho bà N số tiền nợ gốc và tiền lãi nào cả. Bà N đã nhiều lần điện thoại và đến nhà để đòi tiền nợ nhung bà T chỉ hứa hẹn rồi khất nợ mà không trả.

Quá trình khởi kiện, bà N yêu cầu bà T trả số tiền nợ gốc 670.000.000đồng và tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm, tính từ ngày 01/11/2020 cho đến khi bà T trả xong số tiền nợ vay gốc.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Bà T thừa nhận có vay của bà Huỳnh Thị N số tiền 670.000.000đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 4,5%/tháng. Mục đích vay để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng, không thỏa thuận thời gian trả nợ. Thời gian đầu bà T trả lãi cho bà N đầy đủ, nhưng sau đó do người ta không trả tiền cho bà T nên bà T không có tiền trả cho bà N. Bà T đồng ý trả cho bà N số tiền 670.000.000đồng. Còn số tiền lãi thì bà T không đồng ý trả theo yêu cầu của bà N, vì trước đây bà T đã trả cho bà N lãi quá nhiều và hiện tại kinh tế bà T gặp khó khăn.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bà T thừa nhận có nợ của bà N số tiền 670.000.000đồng, nhưng số tiền này là vay nhiều lần của bà N. Trong đó có gốc và lãi cộng dồn thành 670.000.000đồng. Nay bà T chấp nhận trả cho bà N số tiền 670.000.000đồng, bà T không chấp nhận trả lãi theo yêu cầu của bà N. Bà T chỉ đồng ý trả lãi theo quy định của pháp luật là 10%/năm, tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn, yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay gốc là 670.000.000đồng và tiền lãi với mức lãi suất 16%/năm, lãi tính từ 13/10/2020 đến ngày kết thúc phiên tòa, đồng thời nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi cho đến khi trả xong nợ vay gốc.

Qua phần nghị án, nguyên đơn có ý kiến thay đổi về mức lãi suất yêu cầu, cụ thể nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 10%/năm, lãi tính từ 13/10/2020 đến ngày kết thúc phiên tòa, đồng thời nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi cho đến khi trả xong nợ vay gốc.

Người dại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng ý với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chỉ đồng ý trả tiền nợ gốc là 670.000.000đồng và lãi suất 10%/năm tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay gốc là 670.000.000đồng và tiền lãi theo quy định với mức lãi suất 10%/năm.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

(có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ vay; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 1, xã Mp, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cũ (nay là xã Nt, tỉnh Lâm Đồng mới).

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có ý kiến thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất như sau: Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi trên tiền nợ gốc với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày vay tiền 13/10/2020.

Nhân thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi suất là trong phạm vi khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét, đánh giá và giải quyết trong vụ án này.

[3] Về chứng cứ: Tại phiên tòa, nguyên đơn không nộp tài liệu, chứng cứ mới nào khác để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp có trong hồ sơ vụ án, tại phiên

tòa và Tòa án đã thu thập được theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án bản gốc của 01 giấy mượn tiền đề ngày 13/10/2020 có chữ ký và chữ viết tên "Phạm Thị T".

Tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện hợp pháp của bị đơn đều thừa nhận giấy mượn tiền đề ngày 13/10/2020 có chữ ký và chữ viết tên "Phạm Thị T" là do chính bà T viết và ký tên. Bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 670.000.000đồng.

Đây là tình tiết đã được các bên đương sự thừa nhận nên thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và do các đương sự cung cấp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[4.1] Về tính pháp lý của giao dịch dân sự:

Theo nội dung thể hiện trong tài liệu do nguyên đơn cung cấp thì có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản, lập thành văn bản, không thỏa thuận thời hạn vay, không thỏa thuận phương thức trả nợ, có thỏa thuận lãi suất vay (thỏa thuận miệng theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn) và các thỏa thuận khác. Tại thời điểm xác lập giao dịch vay tiền hai bên đều đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; do đó giao dịch vay mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện qua giấy mượn tiền đề ngày 13/10/2020 có chữ ký và chữ viết tên "Phạm Thị T" đảm bảo các quy định tại Điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự, nên được pháp luật dân sự bảo vệ.

Căn cứ Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, nguyên đơn khởi kiện là trong thời hạn luật định.

[4.2] Về xác định nghĩa vụ trả nợ vay:

Tại Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau:

"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác nhận và cam kết cho bà Phạm Thị T vay số tiền 670.000.000đồng và bà T chỉ trả được số tiền lãi là 20.000.000đồng.

Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 15/7/2025, bà Phạm Thị T thừa nhận có vay của bà Huỳnh Thị N số tiền 670.000.000đồng, mục đích vay để làm đáo hạn ngân hàng, sau khi vay tiền thì bà T có trả lãi cho bà N. Tuy nhiên, bà chưa có khả năng trả tiền nợ vay gốc cho bà N. Nay bà N yêu cầu bà T trả số tiền nợ gốc 670.000.000đồng thì bà T đồng ý.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ vay gốc là 670.000.000đồng.

[4.4] Về lãi suất:

Theo giấy mượn tiền lập ngày 13/10/2020, có nội dung trả lãi 20.000.000đồng. Như vậy, tuy rằng trong giấy mượn tiền giữa bà N với bà T không có ghi mức lãi suất thỏa thuận, nhưng các bên có thỏa thuận miệng lãi suất tiền vay, mức lãi suất các bên đã thỏa thuận không rõ ràng (nguyên đơn khai lãi suất thỏa thuận 20%/năm, bị đơn khai lãi suất thỏa thuận 4,5%/tháng). Do các bên không thống nhất xác định mức lãi suất vay, do đó Hội đồng xét xử quyết định áp dụng mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để giải quyết vụ án. Cụ thể:

Từ 13/10/2020 đến ngày 05/8/2025 là 04 năm 09 tháng 22 ngày x 10%/năm x 670.000.000đồng = 322.288.000đồng.

Tuy nhiên, bị đơn đã thanh toán được 20.000.000đồng tiền lãi, do đó số tiền lãi còn lại mà bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là 302.288.000 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn chịu lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định nhưng bị đơn thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng tại phiên tòa phù hợp với những nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93; Điều 95; Điều 235, khoản 1 Điều 147; Điều 161, Điều 262; Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 274, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị N.

Buộc bà Phạm Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị N số tiền nợ vay gốc là 670.000.000 (bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi triệu) đồng (theo giấy mượn tiền lập

ngày 13/10/2020) và số tiền lãi phát sinh là 302.288.000 (bằng chữ: Ba trăm lẻ hai triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Miễn tiền án phí cho bà Phạm Thị T do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Trả lại cho bà Huỳnh Thị N số tiền 23.471.000 (bằng chữ: Hai mươi ba triệu, bốn trăm bảy mươi mốt nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cũ (nay thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng) theo biên lai thu tiền số: 0005199 ngày 17 tháng 02 năm 2025.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 17;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 17-Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận